

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh

Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mộng T, sinh năm 1994. Địa chỉ: đường T, tổ M, ấp P, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ H, ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng T trình bày:

Năm 2015, tôi và ông Lê Văn T quen biết nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, hai bên phát sinh tình cảm và muốn gắn bó lâu dài với nhau nên đến cuối năm 2018 chúng tôi đi đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 ngày 19/11/2018 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là

xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn thì chúng tôi sống ở nhà ba mẹ tôi ở địa chỉ đường T, tổ M, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thời gian đầu chúng tôi chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên không thể tìm được tiếng nói chung. Sau đó khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm thì ông T bỏ nhà đi và từ đó đến nay chúng tôi sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau nữa.

Hiện nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm giữa chúng tôi không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, khi tôi nói đến chuyện ly hôn thì ông T bảo tôi cứ làm đơn chứ ông T bận đi làm nên không lên Tòa, tuy nhiên ông T hoàn toàn đồng ý chuyện ly hôn với tôi. Chúng tôi cũng đã sống ly thân được hơn 5 năm nay và hiện nay cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

+ Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Khánh N, sinh ngày 21/5/2019. Từ khi chúng tôi sống ly thân đến nay thì cháu N vẫn sống cùng tôi. Do đó khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn T nên xác định đây là “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn T có địa chỉ tại tổ H, ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mộng T, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Mộng T và ông Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 ngày 19/11/2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác nhận thời gian đầu hai người chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm thì cuối năm 2019 ông T bỏ nhà đi và từ đó đến nay hai người sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau nữa. Hiện nay đã 05 năm trôi qua, hai người đều đã có cuộc sống mới, khi bà T gọi điện thoại bàn chuyện ly hôn với ông T thì ông T đồng ý nhưng bảo bà T cứ làm đơn ly hôn đơn phương chứ ông T không muốn lên Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hoà giải, quyết định xét xử...vv cho ông T nhưng ông T không lên Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Vì vậy, xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Bà T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thì bà T và ông T có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Khánh N, sinh ngày 21/5/2019. Sau khi ly hôn thì bà T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi hai người sống ly thân đến nay thì cháu N vẫn sống cùng với bà T nên để bảo đảm cho sự phát triển ổn định của cháu thì Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung:

Bà T xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung:

Bà T xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà T phải chịu án phí theo quy định. Ông T không phải chịu.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mộng T đối với ông Lê Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mộng T được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Huỳnh Khánh N, sinh ngày 21/5/2019 cho bà Huỳnh Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030595 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2025) lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với ông Lê Văn T thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND KV 13- TP HCM;
- THADS TP HCM;
- Phòng THADS KV13- TP HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Ngân

